

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 10-9-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Ánh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Tân;
2. Ông Nguyễn Phùng Xuân Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Phương - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 251/2021/TLST-HNGĐ ngày 25-6-2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18-8-2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1989; địa chỉ: Số A, đường P, thị trấn C, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Anh Trần V, sinh năm 1983; địa chỉ: Số B, đường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại Đơn khởi kiện ngày 18-6-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị M trình bày:*

Chị và anh Trần V tìm hiểu, yêu thương, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 29-4-2014. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau. Từ tháng 01-2019 đến nay anh V bị tạm giam để điều tra về hành vi lừa đảo, một mình chị phải tự làm ăn nuôi con. Nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh V.

Về con chung: Chị và anh V có 02 con chung là cháu Trần T, sinh ngày 15-8-2010 và cháu Trần Th, sinh ngày 17-6-2014. Hiện 02 con đang sống cùng chị. Chị yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trần V trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị M tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Từ khi kết hôn đến trước thời gian anh bị bắt tạm giam (01-2019), vợ chồng sống hạnh phúc. Từ sau đó đến nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn chị Nguyễn Thị M.

Về con chung: Anh và chị M có 02 con chung là cháu Trần T, sinh ngày 15-8-2010 và cháu Trần Th, sinh ngày 17-6-2014. Hiện 02 con đang sống cùng chị M. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cháu T và cháu Th cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

3. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền, tổng đạt văn bản tố tụng, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu; Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng quy định về trình tự, thủ tục phiên tòa; nguyên đơn, bị đơn tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị M được ly hôn với anh V. Giao cháu Trần T, sinh ngày 15-8-2010 và cháu Trần Th, sinh ngày 17-6-2014 cho chị M trực

tiếp nuôi dưỡng, anh V không cấp dưỡng nuôi con. Chị M trình bày không có tài sản chung và trình bày không có nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị M và anh Trần V vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Nguyễn Thị M và anh Trần V tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Q vào ngày 29-4-2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Chị M và anh V đều thừa nhận hiện nay vợ chồng không còn chung sống, tình cảm vợ chồng không còn, chị M yêu cầu ly hôn, anh V đồng ý, nên có căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh V là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M.

[2.3] Chị M và anh V có 02 con chung là cháu Trần T, sinh ngày 15-8-2010 và cháu Trần Th, sinh ngày 17-6-2014. Xét cả 02 cháu hiện đang sống cùng chị M; cháu T và cháu Th có nguyện vọng được sống với mẹ; bản thân chị M có đủ điều kiện, khả năng nuôi con nên Hội đồng xét xử quyết định giao 02 cháu T và Th cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của các cháu. Chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Chị M và anh V đều trình bày không yêu cầu giải quyết tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Chị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 144, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV, tuyên xử:

1. Chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Trần V.

2. Giao cháu Trần T, sinh ngày 15-8-2010 và cháu Trần Th, sinh ngày 17-6-2014 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Anh Trần V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0007261 ngày 22-6-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- UBND phường L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hồng Ánh